CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

FireAnt

CTCP DRH Holdings

Ngày 31/03/2024	4,870 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.5%	**-1.0%**	**-9.0%**

DT thuần
Q1/24
0.81
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.10| -10.5%
YoY: ▼5.25| -86.6%

LN thuần
Q1/24
-3.42
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 33.3| 90.7%
YoY: ▼4.68| -371%

LN sau thuế
Q1/24
-4.62
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 33.8| 88.0%
YoY: ▼5.87| -469%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
694%
YoY: +/-▲ 1673%

ROE (TTM)
Q1/24
-6.4%
YoY: +/-▼ 0.4%

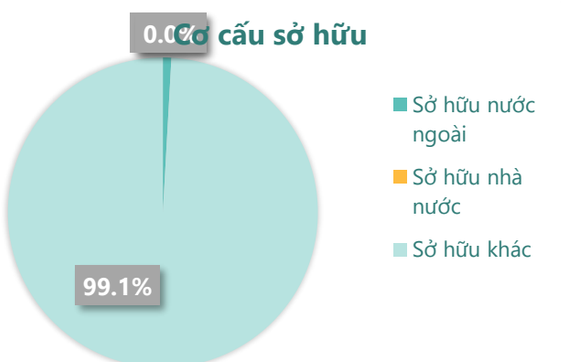
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,950 - 7,910
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	602
Số lượng CPLH (CP)	123,707,866
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,225,600
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	1.36
EPS	-807
P/E	-6.0

DT thuần
2023
8.80
tỷ VNĐ
YoY: ▼51.4| -85.4%

LN thuần
2023
-86.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼96.3| -1023%

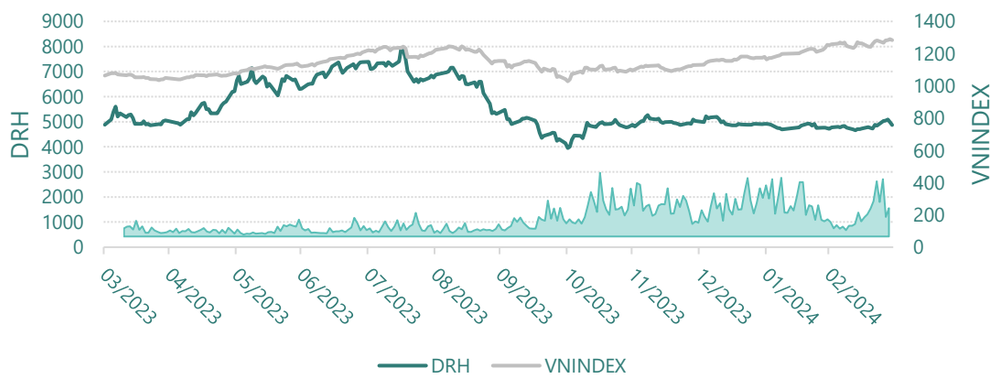
LN sau thuế
2023
-94.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼94.7| -13698%

Cơ cấu sở hữu

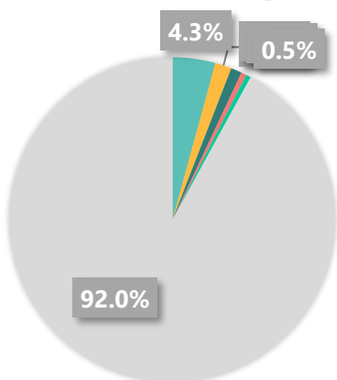


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

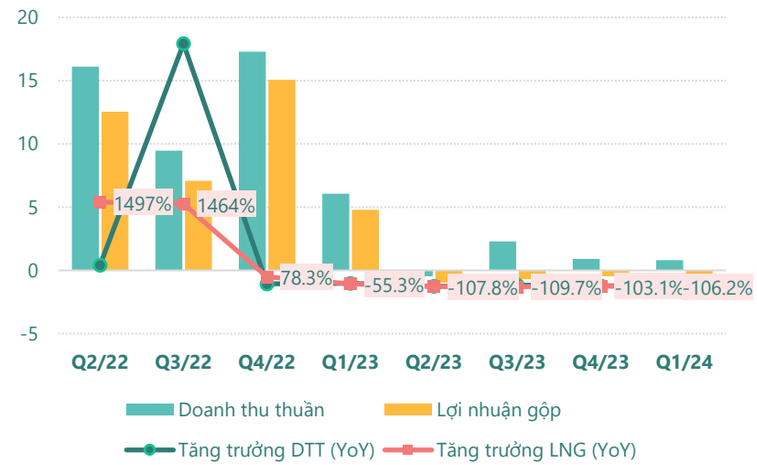




(Nguồn: fireant.vn)

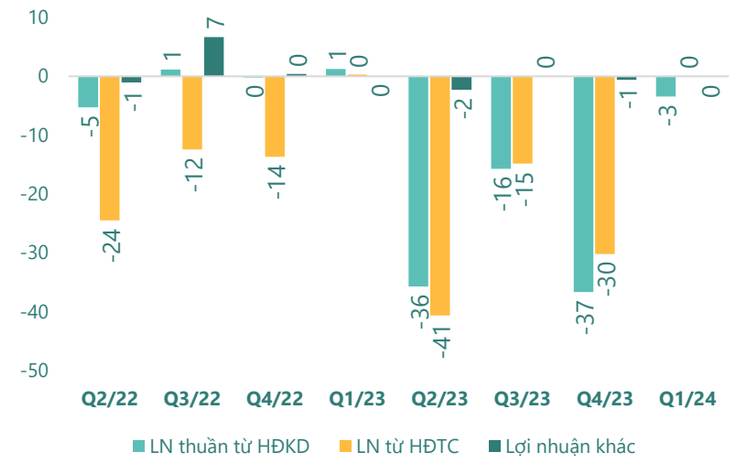
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



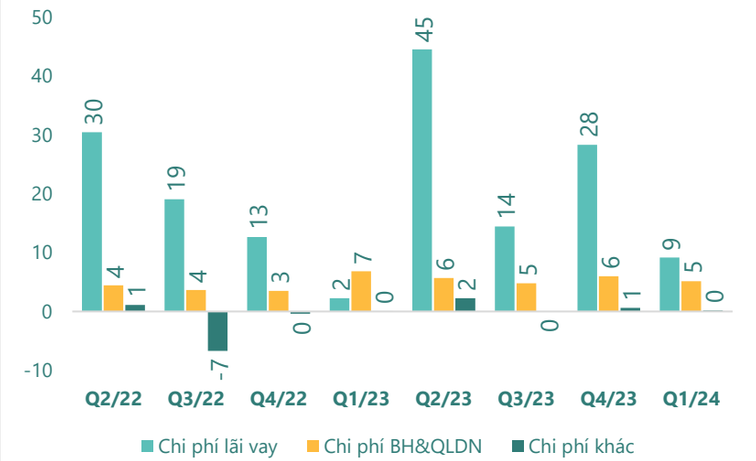
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



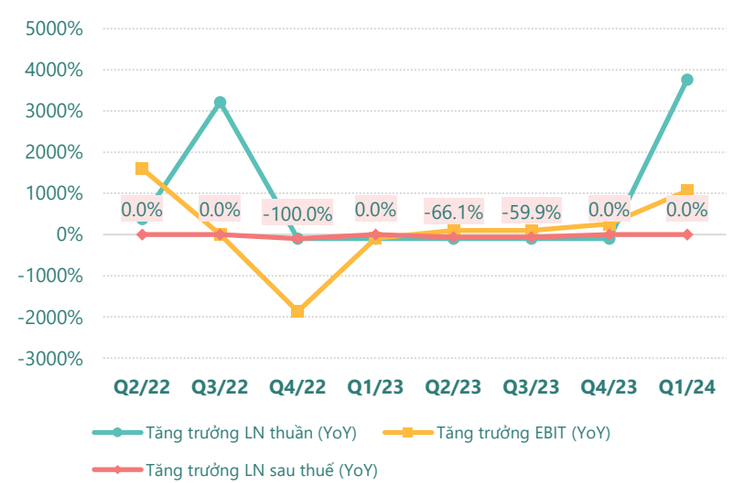
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



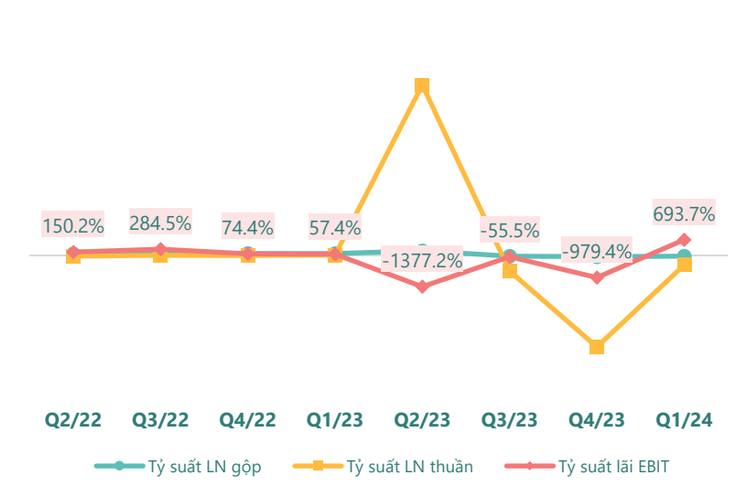
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



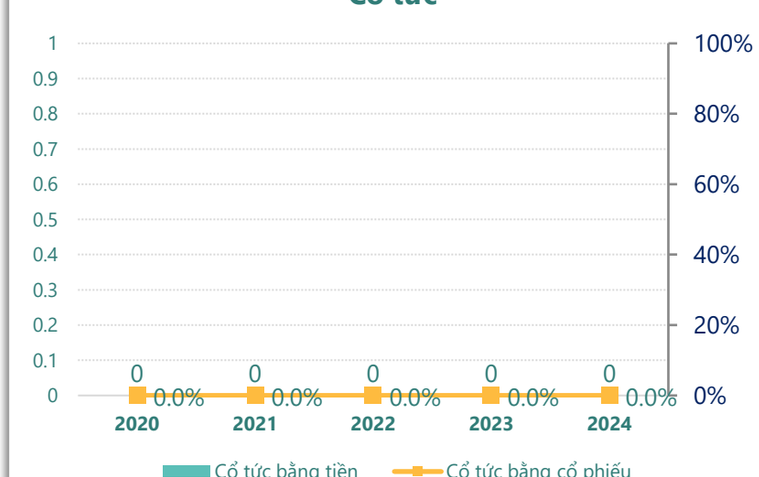
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

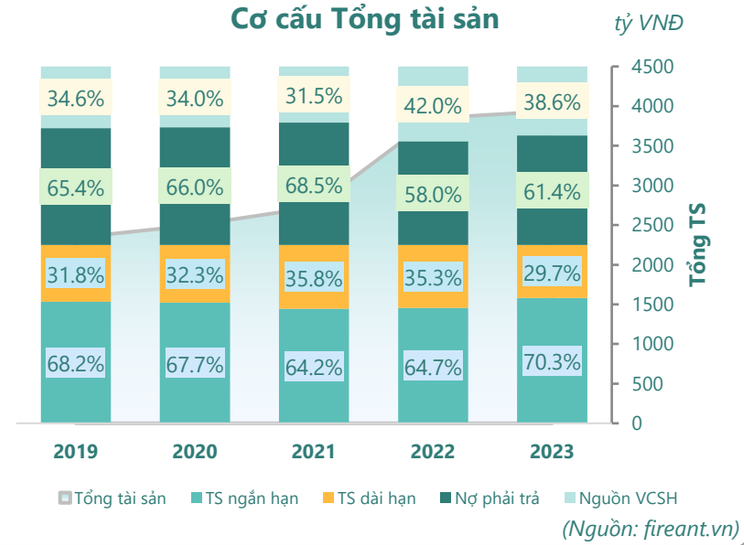
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

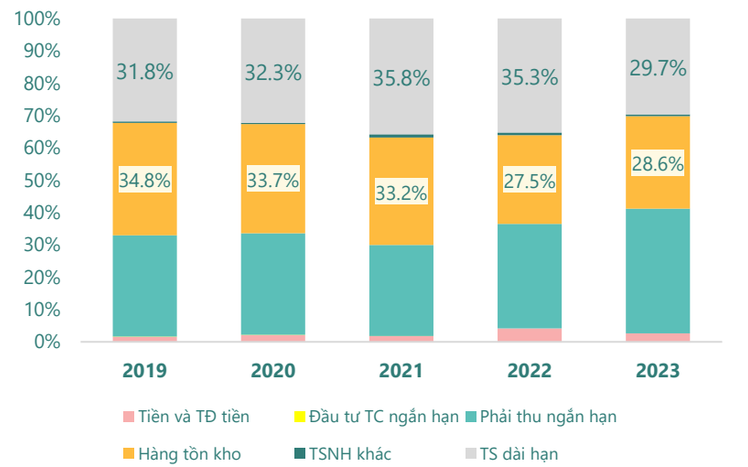
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



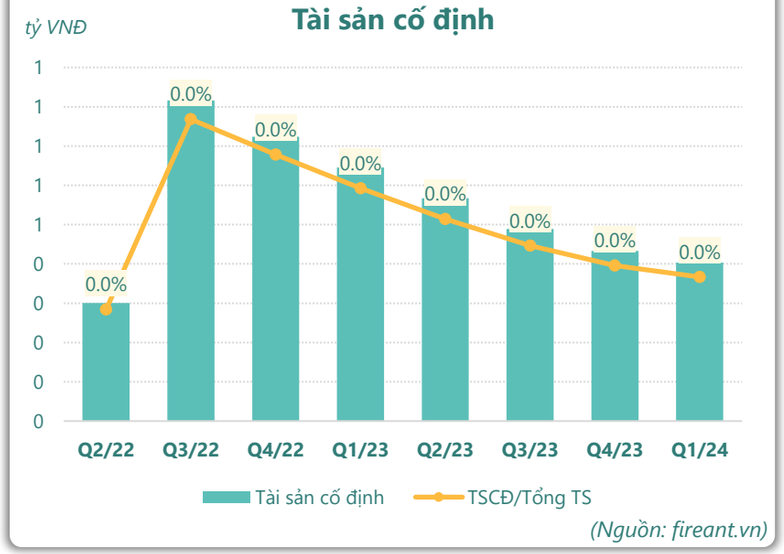
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



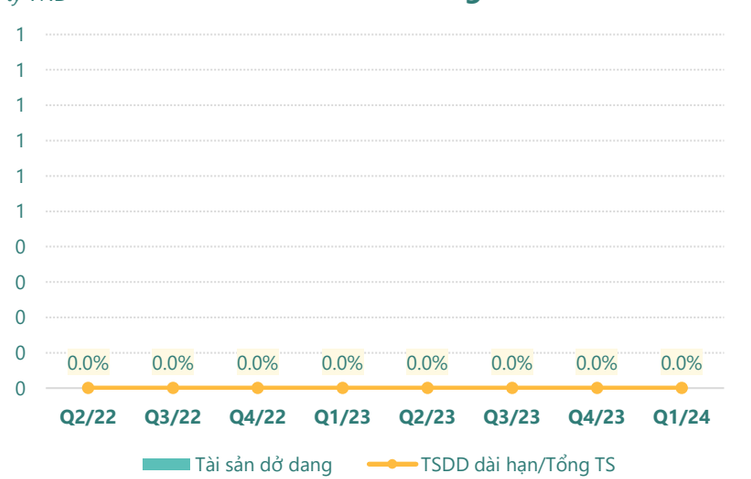
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



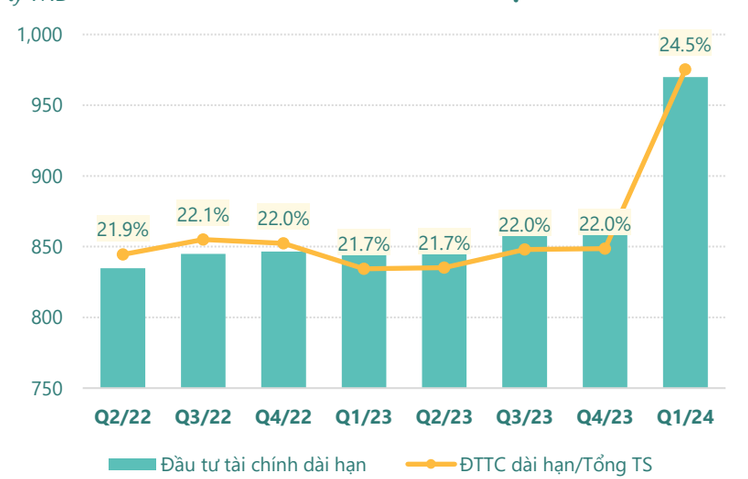
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



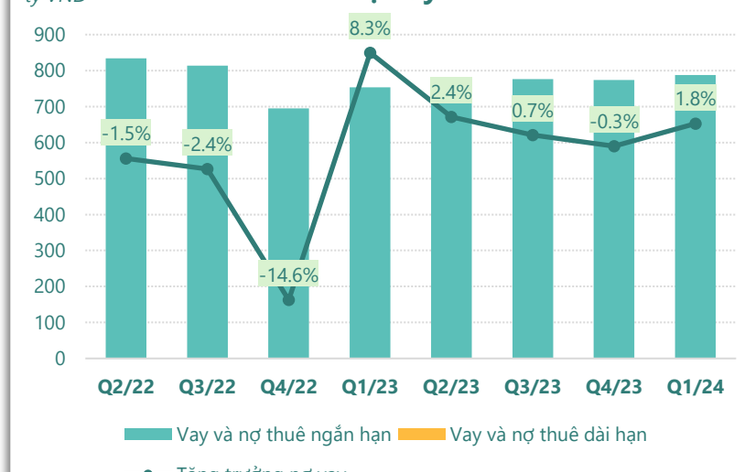
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

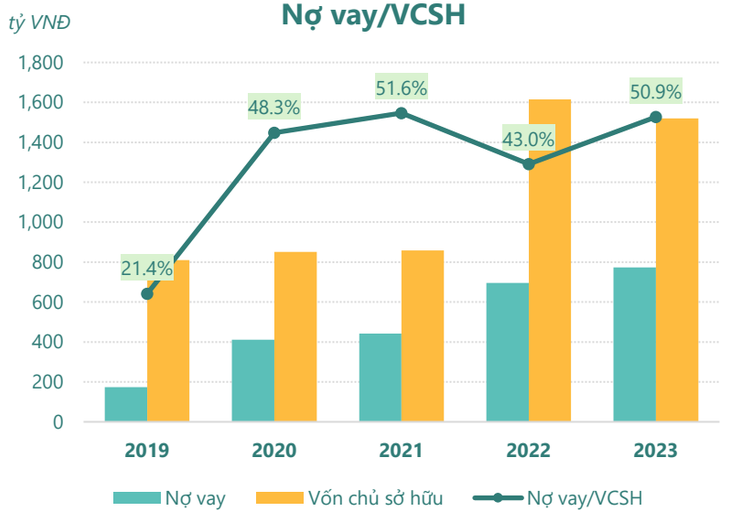
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

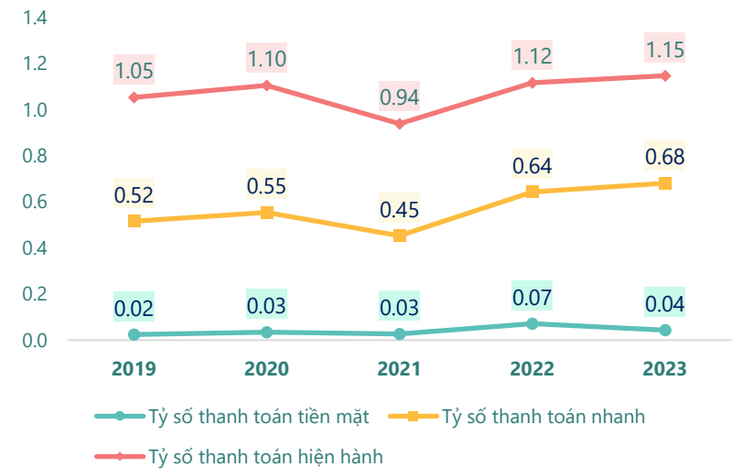
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



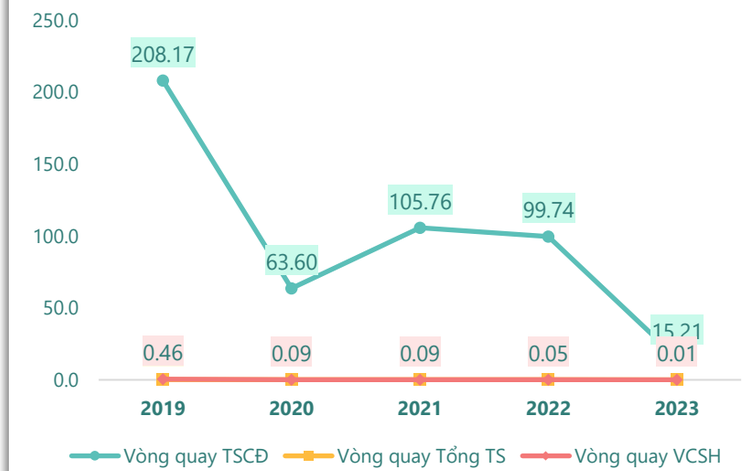
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



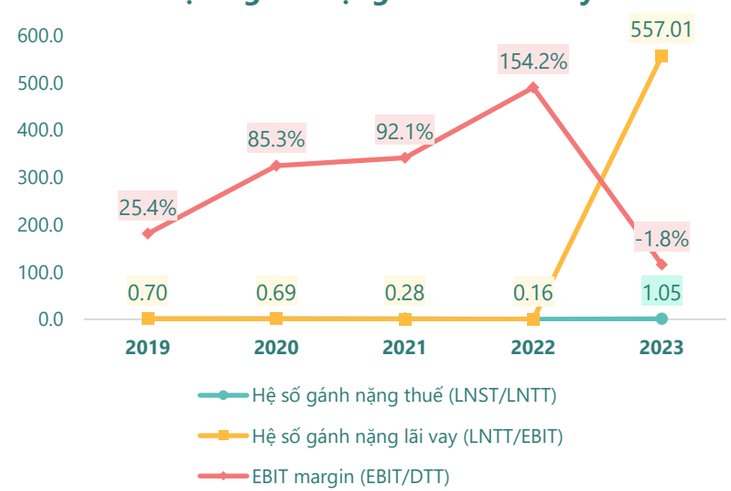
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



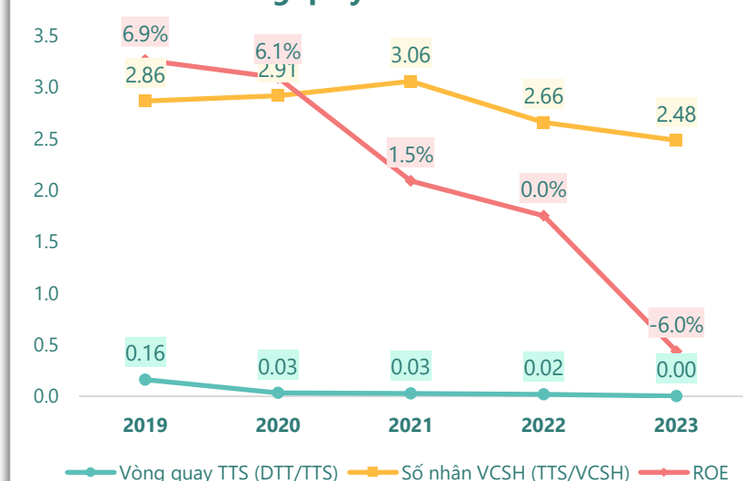
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



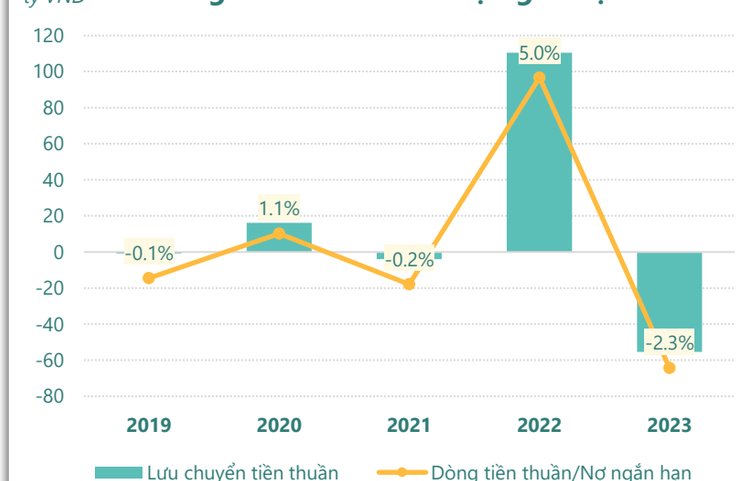
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.81**	**6.06**	**-86.6%**	**8.80**	**60.2**	**-85.4%**
Giá vốn hàng bán	1.11	1.27	-12.3%	6.15	7.05	-12.8%
Lợi nhuận gộp	-0.30	4.79	-106%	2.65	53.2	-95.0%
Doanh thu HĐTC	12.2	7.34	66.8%	28.9	37.8	-23.4%
Chi phí TC	12.2	7.06	73.0%	114	93.3	22.6%
Chi phí lãi vay	9.17	2.23	311%	89.6	78.1	14.7%
LN trong công ty LKLD	**2.02**	**3.02**	**-33.0%**	**19.2**	**34.3**	**-44.0%**
Chi phí bán hàng	0	0.18	-100%	0.30	0	
Chi phí QLDN	**5.17**	**6.64**	**-22.2%**	**23.0**	**22.5**	**2.0%**
LN thuần từ HĐKD	-3.42	1.26	-371%	-86.9	9.42	-1023%
Lợi nhuận khác	**-0.10**	**-0.01**	**-915%**	**-2.86**	**5.33**	**-154%**
LN trước thuế	-3.52	1.25	-381%	-89.8	14.7	-709%
Lợi nhuận sau thuế	**-4.62**	**1.25**	**-469%**	**-94.0**	**0.69**	**-13698%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-4.62**	**1.14**	**-506%**	**-94.0**	**0.07**	**-142239%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	203	-107	4.92	-26.4	-3.05	-9.89
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-34.9	-0.52	-2.68	0.94	-0.02	-105
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-119	57.9	12.1	11.1	-2.63	13.6
Tiền đầu kỳ	110	160	110	124	110	104
Lưu chuyển tiền thuần	**49.4**	**-49.6**	**14.3**	**-14.4**	**-5.70**	**-101**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	160	110	124	110	104	3.06

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,958**	**3,938**	**0.5%**
Tài sản ngắn hạn	2,686	2,771	-3.0%
Tiền và tương đương tiền	3.06	104	-97.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.83	0	
Phải thu ngắn hạn	1,528	1,518	0.7%
Hàng tồn kho	1,130	1,126	0.4%
Tài sản ngắn hạn khác	22.7	22.3	1.8%
Tài sản dài hạn	**1,272**	**1,168**	**8.9%**
Phải thu dài hạn	14.7	14.5	1.9%
Tài sản cố định	0.40	0.43	-7.0%
Bất động sản đầu tư	88.1	88.6	-0.6%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	970	865	12.1%
Tài sản dài hạn khác	**199**	**199**	**-0.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,443	2,419	1.0%
Nợ ngắn hạn	**2,439**	**2,415**	**1.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	787	774	1.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	85.4	88.6	-3.5%
Nợ dài hạn	4.42	3.71	19.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,515**	**1,520**	**-0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**1,515**	**1,520**	**-0.3%**
Vốn điều lệ	1,244	1,244	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)